

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ: Học kỳ 1 (2023-2024)

Lớp học phần: [23401013] - Bóng đá 2 (CCQ2206AB)

MMH	STT	Thông tin sinh viên				Quá Trình 40%			TBTk	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
		Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Hệ số 1						
						1.0	2.0	3.0				
234010	1	2122050122	Nguyễn Chí	An	15/11/2004	5.0	7.0	6.0	6.0	5.0	5.4	
234010	2	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	5.0	7.0	6.0	6.0	9.0	7.8	
234010	3	2122180093	Dương Thế	Bảo	30/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	4	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	5.0	7.5	7.0	6.6	8.0	7.5	
234010	5	2122050151	Lê Quý	Cầu	11/10/2004	7.0	8.5	5.0	6.4	5.0	5.6	
234010	6	2123170005	Lê Trung	Chiến	13/03/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	7	2122050082	Đoàn Đông	Cơ	16/06/2004	8.0	9.0	5.0	6.8	7.0	6.9	
234010	8	2122030226	Dương Tấn	Đạt	05/10/2004	7.0	8.5	5.0	6.4	9.0	8.0	
234010	9	2121110201	Nguyễn Quốc	Đạt	11/03/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	10	2122210090	Nguyễn Thành	Đạt	18/09/2004	9.5	9.5	5.0	7.3	7.0	7.1	
234010	11	2122140033	Trần Đức	Đạt	14/06/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	12	2122110444	Ngô Ngọc Thanh	Đô	12/01/2004	9.5	9.5	6.0	7.8	5.0	6.1	
234010	13	2122140025	Lê Thanh	Đông	22/11/2004	4.0	4.0	7.0	5.5	9.0	7.6	
234010	14	2122050087	Lê Việt	Đông	17/02/2004	5.0	7.0	6.0	6.0	5.0	5.4	
234010	15	2122050142	Dương Văn	Dũng	15/12/2001	7.0	8.5	7.0	7.4	4.0	5.4	
234010	16	2122050128	Nguyễn Xuân	Dương	01/01/2004	8.0	9.0	5.0	6.8	4.0	5.1	
234010	17	2122210099	Hồ Đắc	Duy	04/04/2004	5.0	5.0	5.0	5.0	7.0	6.2	
234010	18	2122050144	Hà Trần Ngọc	Giăng	19/01/2004	8.5	9.5	6.0	7.5	6.0	6.6	
234010	19	2122140064	Nguyễn Huy	Hoàng	23/02/2001	8.0	9.0	6.0	7.3	6.0	6.5	
234010	20	2122050139	Võ Văn	Hùng	23/01/2004	8.0	9.0	5.0	6.8	10.0	8.7	
234010	21	2122050077	Nguyễn Công	Hung	12/12/2004	8.0	9.0	5.0	6.8	5.0	5.7	
234010	22	2121170395	Nguyễn Huỳnh Quang	Huy	19/09/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%

234010	23	2122170390	Nguyễn Trần Đức	Hy	25/07/2004	8.0	9.0	6.0	7.3	5.0	5.9	
234010	24	2122170304	Hoàng Gia	Khang	02/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	25	2122140031	Lê Hùng	Khánh	07/02/2004	5.0	7.0	6.0	6.0	5.0	5.4	
234010	26	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	8.0	9.0	6.0	7.3	7.0	7.1	
234010	27	2122060040	Nguyễn Đăng	Khoa	26/06/2004	9.5	9.0	6.5	7.9	6.0	6.8	
234010	28	2122060080	Nguyễn Đăng	Khoa	19/08/2004	9.5	9.0	6.5	7.9	6.0	6.8	
234010	29	2122180094	Phan Tư	Khoa	05/06/2004	8.0	9.0	6.5	7.5	7.0	7.2	
234010	30	2122050086	Trần Đăng	Khoa	01/01/2004	8.0	9.0	6.0	7.3	8.0	7.7	
234010	31	2122030223	Phạm Lê	Khương	30/05/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	32	2122050092	Trần Hiếu	Kỳ	07/12/2004	7.0	8.5	7.0	7.4	9.0	8.4	
234010	33	2122060010	Châu Ngọc	Lân	03/03/2004	5.0	7.0	6.5	6.3	8.0	7.3	
234010	34	2122050071	Nguyễn Công	Lập	02/09/2004	9.5	9.0	7.0	8.1	7.0	7.5	
234010	35	2122170227	Thái Lê Duy	Lộc	05/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	36	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	7.0	8.5	7.0	7.4	5.0	6.0	
234010	37	2119110323	Lưu Đức	Minh	22/02/1999	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	38	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	8.0	9.0	6.0	7.3	5.0	5.9	
234010	39	2121110185	Nguyễn Tiến	Mười	12/07/2003	9.5	9.0	6.5	7.9	6.0	6.8	
234010	40	2122050099	Trương Công	Nghĩa	14/04/2004	5.0	7.0	6.0	6.0	5.0	5.4	
234010	41	2122050075	Nguyễn Đình	Ngọc	12/10/2003	8.0	9.0	5.0	6.8	7.0	6.9	
234010	42	2122050106	Dương Thành	Nguyên	16/02/2004	8.0	9.0	7.0	7.8	4.0	5.5	
234010	43	2121030119	Nguyễn Quang	Nguyên	30/03/2003	9.5	9.0	6.5	7.9	8.0	8.0	
234010	44	2122270145	Trần Minh	Nhân	20/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	45	2122140036	Hồ Phạm Minh	Nhật	21/07/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	46	2122140060	Mai Quốc	Nhật	02/02/2004	8.5	9.0	7.0	7.9	4.0	5.6	
234010	47	2120110339	Nguyễn Trung	Pháp	05/03/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	48	2121030114	Trương Ngọc	Phiếu	20/10/2003	5.0	7.0	6.0	6.0	9.0	7.8	
234010	49	2122170373	Lưu Hoài	Phúc	10/09/2004	7.0	8.5	6.0	6.9	4.0	5.2	
234010	50	2122050148	Nguyễn Minh	Phúc	14/07/2004	8.0	9.0	7.0	7.8	4.0	5.5	
234010	51	2122180071	Đoàn Anh	Quân	08/10/2004	5.0	7.5	6.5	6.4	5.0	5.6	
234010	52	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	8.0	9.0	6.0	7.3	5.0	5.9	
234010	53	2122170385	Bùi Công	Sắc	19/11/2003	7.0	8.5	6.0	6.9	5.0	5.8	

234010	54	2122030184	Huỳnh Văn Nguyễn	Sách	02/05/2004	8.0	9.0	6.5	7.5	6.0	6.6	
234010	55	2121110348	Trịnh Công	Son	11/12/2001	8.0	9.0	5.0	6.8	4.0	5.1	
234010	56	2122180079	Đàng Lưu	Sữa	22/02/2001	8.0	9.0	6.5	7.5	8.0	7.8	
234010	57	2122180075	Trần Văn	Tâm	30/05/2004	8.0	9.0	6.5	7.5	6.0	6.6	
234010	58	2122050130	Dương Minh	Tân	22/12/2004	8.0	9.0	5.0	6.8	5.0	5.7	
234010	59	2121170668	Nguyễn Minh	Tân	07/07/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	60	2122170312	Võ Châu	Thân	05/05/2004	7.0	8.5	5.0	6.4	9.0	8.0	
234010	61	2122050124	Võ Đức	Thịnh	12/12/2004	7.0	9.5	7.0	7.6	5.0	6.1	
234010	62	2122050030	Khê Như	Thuần	13/09/2004	9.5	9.0	6.5	7.9	9.0	8.6	
234010	63	2122170522	Châu Văn	Toàn	11/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	64	2122050078	Lê Minh	Trí	07/12/2004	8.0	9.0	5.0	6.8	6.0	6.3	
234010	65	2122030001	Lê Trọng	Trí	10/09/2004	8.0	9.0	6.5	7.5	5.0	6.0	
234010	66	2122050074	Nguyễn Hữu	Trọng	29/06/2003	8.0	9.5	7.0	7.9	8.0	8.0	
234010	67	2122050126	Lê Thành	Trung	29/10/2004	8.0	9.0	7.0	7.8	4.0	5.5	
234010	68	2122050085	Nguyễn Thành	Trung	22/11/2004	8.0	9.0	5.0	6.8	4.0	5.1	
234010	69	2122050111	Võ Thanh	Trung	20/06/2004	8.0	9.0	7.0	7.8	5.0	6.1	
234010	70	2121030134	Nguyễn Văn	Trường	06/11/2003	9.5	9.0	6.5	7.9	5.0	6.2	
234010	71	2120170105	Lưu Quang	Tú	24/04/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234010	72	2122030063	Thái Quốc	Tuấn	17/11/2004	8.0	9.0	6.0	7.3	9.0	8.3	
234010	73	2122240057	Châu Thị Bích	Vy	14/04/2004	10.0	9.5	6.5	8.1	5.0	6.3	
	Tổng cộng:		73			437.5	495.0	354.0	410.1			